ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 978/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 26 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật - Dự toán, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Cao Lộc và huyện Lộc Bình thuộc dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 3 huyện: Cao Lộc, Bình Gia, Lộc Bình (giai đoạn 2, năm 2020)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/6/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai", do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai", vay vốn Ngân hàng Thế giới; Quyết định số 1141/QĐ-BTNMT ngày 20/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai" (Dự án VILG);

Căn cứ Quyết định số 1972/QĐ-BTC ngày 08/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố tỷ lệ cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước

ngoài của Chính phủ cụ thể cho tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 20/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai", do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 2531/QĐ-BTNMT ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai", vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 4 huyện Cao Lộc, Tràng Định, Bình Gia, Lộc Bình"; Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Cao Lộc và huyện Lộc Bình thuộc dự án Tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 4 huyện Cao Lộc, Tràng Định, Bình Gia, Lộc Bình (giai đoạn 2, năm 2020); Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc điều chỉnh dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 4 huyện Cao Lộc, Tràng Định, Bình Gia, Lộc Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 296/TTr-STNMT ngày 16/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung đơn giá dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Cao Lộc đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận và có tài sản gắn liền với đất (Thửa đất loại B); Thửa đất loại D (Căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp đã được cấp GCN; K=1,2), huyện Cao Lộc với tổng số tiền là 5.150.000 đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu số 01 kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật - Dự toán, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Cao Lộc và huyện Lộc Bình thuộc dự án: Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 3 huyện: Cao Lộc, Bình Gia, Lộc Bình (giai đoạn 2, năm 2020) như sau:

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Cao Lộc

1.1 Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chính

a) Sản phẩm về không gian nền

- Bộ dữ liệu không gian đất đai nền đối với trường hợp xây dựng mới CSDL địa chính: 09 bộ dữ liệu/xã.

- Bộ dữ liệu không gian đất đai nền đối với trường hợp chuyển đổi bổ sung CSDL địa chính đã xây dựng trước 01/08/2016: 13 bộ dữ liệu/xã.

b) Sản phẩm về cơ sở dữ liệu địa chính

- Tổng số thửa đất trên bản đồ của 09 xã xây dựng CSDL địa chính mới là: 127.645 thửa:

+ Cơ sở dữ liệu địa chính cho thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận, chưa có tài sản gắn liền với đất khu vực đã được đo đạc bản đồ địa chính (thửa đất loại A1): 11.912 thửa.

+ Cơ sở dữ liệu địa chính cho thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận, có tài sản gắn liền với đất (Thửa đất loại B); Thửa đất loại D (Căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp đã được cấp GCN; K=1,2): 57 thửa.

+ Cơ sở dữ liệu địa chính cho thửa đất đã được cấp chung một Giấy chứng nhận, khu vực đã đo đạc bản đồ địa chính (thửa đất loại C1): 48.890 thửa.

+ Cơ sở dữ liệu địa chính cho thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận hoặc không được cấp Giấy chứng nhận (thửa đất loại E): 66.786 thửa.

- Các sản phẩm trung gian:

+ Số trang quét A3: 37.754 trang.

+ Số trang quét A4: 56.139 trang.

- Sản phẩm về CSDL địa chính đối với trường hợp chuyển đổi bổ sung CSDL địa chính đã xây dựng trước 01/08/2016.

Thửa đất phải xuất sổ địa chính điện tử và thực hiện ký số: 167.213 thửa.

1.2. Sản phẩm về cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

a) Dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai (bao gồm 1 bộ dữ liệu của cấp huyện và 22 xã, thị trấn)

b) Các sản phẩm trung gian:

- Cấp xã, thị trấn

+ Dữ liệu thuộc tính:

Dữ liệu thuộc tính thống kê cấp xã, thị trấn: 143 bộ dữ liệu.

Dữ liệu thuộc tính kiểm kê: 91 bộ dữ liệu.

+ Dữ liệu không gian:

Dữ liệu bản đồ kiểm kê năm 2019: 22 xã, thị trấn.

+ Chuyển đổi và tích hợp: 22 lớp dữ liệu.

+ Tài liệu quét:

Trang A3: 2.484 trang.

Trang A4: 1.617 trang.

- Cấp huyện:

+ Dữ liệu thuộc tính:

Dữ liệu thuộc tính thống kê cấp huyện: 15 bộ dữ liệu.

Dữ liệu thuộc tính kiểm kê cấp huyện: 5 bộ dữ liệu.

+ Dữ liệu không gian:

Dữ liệu bản đồ kiểm kê năm 2019: 1 huyện.

+ Chuyển đổi và tích hợp: 1 lớp dữ liệu.

+ Tài liệu quét:

Trang A3: 248 trang.

Trang A4: 192 trang.

1.3. Sản phẩm về cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Sản phẩm chính:

Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện Cao Lộc: 1 bộ dữ liệu/huyện.

- Sản phẩm trung gian:

+ Dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: 1 bộ dữ liệu/huyện.

+ Dữ liệu không gian quy hoạch sử dụng đất: 1 lớp dữ liệu/huyện.

+ Dữ liệu không gian kế hoạch sử dụng đất: 0 lớp dữ liệu/huyện.

+ Tài liệu quét:

Trang A3: 61 trang.

Trang A4: 565 trang.

1.4. Sản phẩm về cơ sở dữ liệu giá đất

- Sản phẩm chính:

Cơ sở dữ liệu giá đất huyện Cao Lộc: 1 bộ dữ liệu/huyện.

- Sản phẩm trung gian:

+ Siêu dữ liệu thuộc tính giá đất: 1 bộ dữ liệu/huyện.

+ Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất:

Dữ liệu giá đất cụ thể: 0 thửa.

Dữ liệu giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất: 0 thửa.

Dữ liệu vị trí thửa đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (đối với thửa đất đã có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai): 5.150 thửa.

Đối soát và hoàn thiện chất lượng dữ liệu giá đất với các tài liệu giá đất đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất: 5.150 thửa

+ Tài liệu quét:

Trang A4: 281 trang.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Lộc Bình

2.1. Sản phẩm về cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chính

a) Sản phẩm về không gian nền

- Bộ dữ liệu không gian đất đai nền đối với trường hợp chuyển đổi bổ sung CSDL địa chính đã xây dựng trước 01/08/2016: 21 bộ dữ liệu/xã.

b) Sản phẩm về cơ sở dữ liệu địa chính

- Tổng số thửa đất trên bản đồ của 21 xã xây dựng CSDL địa chính mới là: 37.772 thửa.

+ Cơ sở dữ liệu địa chính cho thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận, chưa có tài sản gắn liền với đất khu vực đã được đo đạc bản đồ địa chính (thửa đất loại A1): 21.817 thửa;

+ Cơ sở dữ liệu địa chính cho thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận hoặc không được cấp Giấy chứng nhận (thửa đất loại E): 15.955 thửa.

- Các sản phẩm trung gian:

+ Số trang quét A3: 41.522 trang.

+ Số trang quét A4: 35.529 trang.

- Sản phẩm về CSDL địa chính đối với trường hợp chuyển đổi bổ sung CSDL địa chính đã xây dựng trước 01/08/2016.

Thửa đất có phải xuất sổ địa chính điện tử và thực hiện ký số: 252.940 thửa.

2.2. Sản phẩm về cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai.

a) Dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai (bao gồm 1 bộ dữ liệu của cấp huyện và 21 xã/thị trấn)

b) Các sản phẩm trung gian:

- Cấp xã

+ Dữ liệu thuộc tính:

Dữ liệu thuộc tính thống kê cấp xã: 248 bộ dữ liệu.

Dữ liệu thuộc tính kiểm kê: 79 bộ dữ liệu.

+ Dữ liệu không gian:

Dữ liệu bản đồ kiểm kê năm 2019: 21 xã.

+ Chuyển đổi và tích hợp: 21 lớp dữ liệu.

+ Tài liệu quét:

Trang A3: 2.153 trang.

Trang A4: 4.694 trang.

- Cấp huyện:

+ Dữ liệu thuộc tính:

Dữ liệu thuộc tính thống kê cấp huyện: 14 bộ dữ liệu.

Dữ liệu thuộc tính kiểm kê cấp huyện: 4 bộ dữ liệu.

+ Dữ liệu không gian:

Dữ liệu bản đồ kiểm kê năm 2019: 1 huyện.

+ Chuyển đổi và tích hợp: 1 lớp dữ liệu.

+ Tài liệu quét:

Trang A3: 127 trang.

Trang A4: 311 trang.

2.3. Sản phẩm về cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Sản phẩm chính:

Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện Lộc Bình: 1 bộ dữ liệu/huyện.

- Sản phẩm trung gian:

+ Dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: 2 bộ dữ liệu/huyện.

+ Dữ liệu không gian quy hoạch sử dụng đất: 1 lớp dữ liệu/huyện.

+ Dữ liệu không gian kế hoạch sử dụng đất: 0 lớp dữ liệu/huyện.

+ Tài liệu quét:

Trang A3: 0 trang.

Trang A4: 179 trang.

2.4. Sản phẩm về cơ sở dữ liệu giá đất

- Sản phẩm chính:

Cơ sở dữ liệu giá đất huyện Lộc Bình: 1 bộ dữ liệu/huyện.

- Sản phẩm trung gian:

+ Siêu dữ liệu thuộc tính giá đất: 1 bộ dữ liệu/huyện.

+ Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất:

Dữ liệu giá đất cụ thể: 0 thửa đất.

Dữ liệu giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất: 0 thửa đất.

Dữ liệu vị trí thửa đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (đối với thửa đất đã có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai): 4.778 thửa.

Đối soát và hoàn thiện chất lượng dữ liệu giá đất với các tài liệu giá đất đã sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất: 4.778 thửa

+ Tài liệu quét:

Trang A4: 278 trang.

3. Tổng kinh phí sau điều chỉnh: **16.690.948.000 đồng** *(Mười sáu tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn).*

STT	Hạng mục	Tổng kinh phí (đồng)	Trong đó	
			Cao Lộc (đồng)	LộcBình (đồng)
1	Chi phí trong đơn giá	15.702.217.810	9.618.066.655	6.084.151.155
2	Chi phí khác	915.732.901	536.350.869	379.382.032
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn	72.997.753	39.561.068	33.436.685
4	Chi phí dự phòng	0	0	0
	TỔNG	**16.690.948.464**	**10.193.978.592**	**6.496.969.872**
	LÀM TRÒN	**16.690.948.000**	**10.193.979.000**	**6.496.970.000**

(Có biểu số 02 và 03 kèm theo Quyết định này).

4. Nguồn kinh phí:

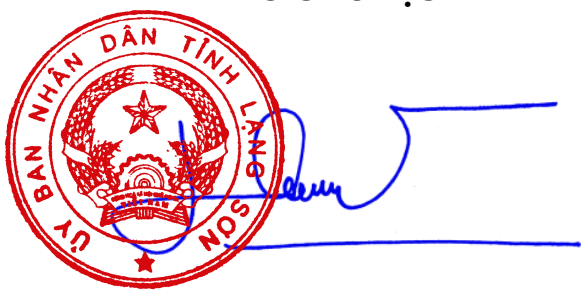
- Vốn vay do Trung ương cấp phát: 12.718.796.000 đồng.
- Vốn vay do tỉnh Lạng Sơn vay lại: 1.413.200.000 đồng.
- Vốn đối ứng của tỉnh: 2.558.952.000 đồng.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của Dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND các huyện: Cao Lộc và Lộc Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh (để B/c);
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (03 bản);
- PCVP UBND tỉnh; các Phòng: TH, NC Trun tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT (NNT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Trọng Quỳnh